

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GB
TỈNH BN**

Bản án số: 56/2025/HSST

Ngày: 26/6/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GB**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân S.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Công H.

Ông Nguyễn Văn T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn P – Thư ký tòa án nhân dân huyện GB.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GB tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức D- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/6/2025, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện GB, tỉnh BN mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2025/TLST-HS ngày 09/5/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 46/2025/QĐXXST-HS ngày 12/6/2025, đối với bị cáo:

- Trần Văn T1; Giới tính: Nam, sinh năm 1976 tại thành phố ND, tỉnh ND; Hộ khẩu thường trú: số 11/23/455 đường TC, phường QC, thành phố ND, tỉnh ND; Nơi ở hiện nay: số 361/81, tổ 19, khu phố 6, phường LB, thành phố BH, tỉnh DN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn T2 (đã chết) và bà Trần Thị H1, sinh năm 1944; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm; Vợ, con: chưa có.

- Tiền án: 04 tiền án.

+ Bản án số 78/2001/HSPT ngày 12/09/2001 của Tòa án nhân dân tỉnh BP xử phạt Trần Văn T1 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 19/3/2003. Chưa được xóa án tích.

+ Bản án số 195/2005/HSST ngày 22/12/2005 của Tòa án nhân dân huyện CP, thành phố HCM xử phạt Trần Văn T1 04 năm tù về tội “Lưu hành tiền giả”

quy định tại khoản 1 Điều 180 Bộ luật Hình sự năm 1999. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 04/4/2007. Chưa được xóa án tích.

+ Bản án số 38/2011/HSPT ngày 07/3/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh TN xử phạt Trần Văn T1 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Tái phạm nguy hiểm) và 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999. Buộc Trần Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh là 04 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 10/11/2013. Chưa được xóa án tích.

+ Bản án số 84/2015/HSPT ngày 11/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt Trần Văn T1 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. (Trong đó có tình tiết tăng nặng định khung Tái phạm nguy hiểm). Ngày 10/8/2015 T1 đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 01/8/2020. Tuy nhiên, đến nay T1 chưa chấp hành xong nghĩa vụ bồi thường dân sự. Do đó, T1 chưa được xóa án tích đối với bản án trên.

- Tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Bản án số 166/HSST ngày 10/11/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh NH (nay là tỉnh ND) xử phạt Trần Văn T1 12 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 30/6/1994 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Ngày 15/6/2006 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Đã được xóa án tích.

+ Bản án số 24/HSST ngày 20/02/1995 của Tòa án nhân dân thành phố ND xử phạt Trần Văn T1 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 29/7/1995. Ngày 14/3/2000 chấp hành xong toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bản án trên. Đã được xóa án tích.

+ Bản án số 31/HSPT ngày 08/02/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh NH (nay là tỉnh ND) xử phạt Trần Văn T1 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 11/9/1999. Ngày 14/3/2000 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 26/5/2006 chấp hành xong án phí hình sự phúc thẩm. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh BN. Có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Trịnh Bá L, sinh năm 1956; trú tại: Thôn PN, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN. Vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị T3, sinh năm 1974; trú tại: Thôn HC, xã PH, huyện LT, tỉnh BN. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1993; trú tại: Thôn HV, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN. Vắng mặt.

2. Anh Hoàng Đình H2, sinh năm 1992; trú tại: Thôn HV, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1982; trú tại: Thôn NP, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985; trú tại: Thôn NP, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1987; trú tại: Ngõ 1, TTO, huyện TT, thành phố HN. Vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Khoảng 10 giờ ngày 25/08/2024, một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) mặc áo Grab dài tay màu xanh, quần dài, đội mũ bảo hiểm kiểu mũ lưỡi trai màu xanh có kẻ dọc màu trắng, đeo khẩu trang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM Angel màu đen (không rõ biển số) chở theo Trần Văn T1, sinh năm 1976 trú tại số 11/23/455 đường TC, phường QC, thành phố ND, tỉnh ND đi từ đường tỉnh lộ 280 địa phận thị xã TT, tỉnh BN sang địa phận huyện GB rồi đi qua các xã LN, xã ĐC đến Trung tâm thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN. Tại đây, cả hai đi loanh quanh trên địa bàn thị trấn GB.

Đến 16 giờ 55 phút cùng ngày, T1 và đối tượng đi cùng vào quán nước vỉa hè của vợ chồng chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1993 ở đường THĐ, thị trấn GB, huyện GB ngồi uống nước. Tại đây, T1 đã uống hết 04 lon bia Sài Gòn tại quán nước của Chị B và để lại vỏ lon bia, còn người đàn ông đi cùng uống trà đá.

Sau đó, đến 18 giờ 43 phút cùng ngày, đối tượng mặc áo Grab màu xanh điều khiển xe mô tô chở T1 đến trước cổng nhà ông Trịnh Bá L, sinh năm 1955 ở thôn PN, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN giả làm shipper (nhân viên giao hàng) để giao gói hàng cho ông L. Thời điểm này, trong nhà ông L chỉ có chị Đặng Thị T3, sinh năm 1974 trú tại thôn HC, xã PH, huyện LT, tỉnh BN là người giúp việc, trông nom và quản lý nhà ông L. Sau đó, T1 và đối tượng đi cùng bấm chuông cổng nhà ông L, T1 đeo trên vai một chiếc túi ba lô, tay cầm một túi nilon bên trong có một hộp bìa carton chứa 04 gói mỳ tôm Kokomy Đại, được đóng gói, dán băng dính xung quanh giả làm gói hàng cần giao.

Khi thấy chuông cổng kêu, chị T3 ra cổng gặp T1 và đối tượng đi cùng, T1 hỏi ông L có nhà không để giao gói hàng cho ông L, chị T3 nói “Ông L không có nhà”. Do gói hàng to không thể đưa qua khe cổng đồng thời tin tưởng T1 và đối

tượng đi cùng là nhân viên giao hàng cho ông L nên chị T3 đi vào trong nhà lấy chìa khoá điều khiển cổng từ và bấm mở cổng cho T1 và đối tượng đi cùng vào trong sân. Khi vào trong sân, T1 và đối tượng đi cùng tiếp tục hỏi chị T3 “Có ai ở nhà không?” chị T3 nói “Không”. Thấy vậy, T1 và đối tượng đi cùng tiến lại gần đẩy chị T3 ngã xuống nền sân. Lúc này T1 làm rơi gói hàng trên nền đất, còn đối tượng đi cùng T1 cầm một con dao bản to trắng sáng kề cổ chị T3 nói “Im mồm không tao đâm chết” đồng thời giật lấy chiếc chìa khoá cổng từ và bấm đóng cổng lại. Sau đó, T1 và đối tượng đi cùng không chừa chị T3 đi vào trong gian phòng ăn tầng một, để chị T3 ngồi trên chiếc ghế gỗ tại khu vực bàn ăn. Tại đây, T1 mở chiếc ba lô ra và lấy 01 quả chanh nhét vào miệng chị T3 rồi lấy cuộn băng dính màu xanh trong ba lô quấn quanh miệng và hai chân chị T3, tiếp đó đưa hai tay chị T3 vòng ra sau chiếc ghế rồi lấy 01 chiếc còng số 8 còng hai tay chị T3 lại. Tiếp đó, T1 và đối tượng đi cùng ra gian ngoài lục lọi, tìm kiếm tài sản nhưng không tìm thấy tài sản gì giá trị nên cả hai nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường. Sau đó, do cổ tay chị T3 nhỏ, chị T3 tự rút được tay ra khỏi còng số 8, tháo băng dính rồi đến Công an huyện GB trình báo toàn bộ nội dung sự việc. Tiến hành kiểm tra xem xét dấu vết trên thân thể đối với chị T3, xác nhận chị T3 không bị thương tích gì.

Sau khi tiếp nhận vụ việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phối hợp cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện GB tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường là nhà ông Trịnh Bá L ở thôn NP, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN. Phía bắc tiếp giáp đường Quốc lộ 17, phía nam tiếp giáp chợ Trung tâm thị trấn GB, phía tây tiếp giáp Ngân hàng BIDV chi nhánh GB, phía đông tiếp giáp với khu dân cư NP. Khuôn viên nhà ông L có diện tích 1100m², phía trước nhà là khu vực vườn cây và đường đi, phía đông là khu vực bể bơi, phía Tây, phía Nam được bố trí lối đi xung quanh và thông với nhau. Xung quanh toàn bộ khuôn viên được xây tường bao, phía trên là hàng rào bằng kim loại. Nơi các đối tượng không chừa chị T3 là lối đi dẫn từ cổng chính vào nhà để xe và thông với gian phòng ăn tầng một. Trong phòng ăn bố trí một bộ bàn (dài) ghế bằng gỗ gồm 01 bàn và 12 ghế được xếp xung quanh bàn (chị T3 bị 2 đối tượng không chừa, còng tay, quấn băng dính vào ghế gỗ của phòng ăn). Phía trên lối vào nhà để xe lắp đặt 01 (một) camera giám sát hướng ra cổng chính, vị trí camera cách mặt đất khoảng 2,5m. Quá trình khám nghiệm, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ dữ liệu điện tử trong camera của gia đình ông L vào 01 (một) đĩa CD chứa đoạn video ghi lại hành vi không chừa, đưa chị T3 vào phòng ăn của 2 đối tượng (phòng ăn không gắn camera).

Quá trình khám nghiệm hiện trường thu giữ:

+ 01 (một) túi nilon màu xanh, bên trong có 1 hộp cacton mở ra bên trong hộp có 04 (bốn) gói mì tôm Kokomi Đại tại khu vực giữa lối đi dẫn từ cổng chính vào nhà để xe.

+ 01 (một) còng số 8, tại phần ổ khóa có in chữ “MADE IN USA” tại một ghế gỗ trong bộ bàn ăn ở phòng ăn tầng 1.

+ Đoạn băng dính màu xanh, một số chỗ bị dính vào nhau, mặt dính có bám dính các sợi dạng tóc màu đen cũng tại khu vực gần ghế gỗ trên.

Sau khi tiếp nhận sự việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành rà soát toàn bộ camera an ninh trên địa bàn và xung quanh khu vực xảy ra vụ án, đã xác định được tuyến đường, hướng di chuyển của các đối tượng trong ngày 25/8/2024. Đồng thời thu được 04 vỏ lon bia Sài Gòn tại quán nước của chị Nguyễn Thị B.

Ngày 11/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GB, tỉnh BN ra Quyết định trưng cầu số 666/QĐ-ĐCSHS trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BN giám định dấu vết đường vân. Tại Bản kết luận giám định số 2387/KL-KTHS ngày 22/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh BN kết luận:

- 03 (ba) dấu vết đường vân thu tại mặt ngoài vỏ túi nylon bọc hộp bìa cacton (ký hiệu M1, M3, M4) và 03 (ba) dấu vết đường vân thu tại mặt ngoài vỏ lon bia Sài Gòn (ký hiệu M6, M7, M8) không đủ yếu tố giám định.

- Dấu vết đường vân thu tại mặt ngoài vỏ túi nylon bọc hộp bìa cacton (ký hiệu M2) so với dấu vân tay ngón cái trái in trên chỉ bản ghi họ và tên Trần Văn T1, sinh năm 1976, HKTT: 11/23/455 TC, Thống Nhất, thành phố ND nay là 11/23/455 TC, QC, thành phố ND, là của cùng một người.

- Dấu vết đường vân thu tại mặt ngoài vỏ lon bia Sài Gòn (ký hiệu M5) so với dấu vân tay ngón cái trái in trên chỉ bản ghi họ và tên Trần Văn T1, sinh năm 1976, HKTT: 11/23/455 TC, Thống Nhất, thành phố ND nay là 11/23/455 TC, QC, thành phố ND; là của cùng một người.

Ngày 09/11/2024, qua điều tra xác minh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GB xác định Trần Văn T1 đang có mặt tại phường LS, thành phố BL, tỉnh LD nên đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Văn T1 đồng thời di lý T1 về trụ sở Cơ quan điều tra Công an huyện GB để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 15/11/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GB, tỉnh BN ra Quyết định trưng cầu số 759/QĐ-ĐCSHS trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định ADN. Tại Bản kết luận giám định số: 8938/KL-KTHS ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- Trên chiếc còng số 8 gửi giám định có ADN người, do lượng dấu vết ít nên không phân tích được kiểu gen, không đủ cơ sở để khẳng định có ADN của Trần Văn T1 hay không.

- Trên đoạn băng dính gửi giám định có ADN của một người giới tính nam, không phải là Trần Văn T1.

Ngày 25/02/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GB tiến hành cho bị hại thực nghiệm điều tra vụ án cướp tài sản nêu trên, kết quả thực nghiệm phù hợp với lời khai của bị hại chị Đặng Thị T3 và video thu giữ từ camera giám sát gần tại hiện trường.

Quá trình điều tra, Trần Văn T1 không hợp tác với Cơ quan điều tra. Khi được hỏi thì trả lời không đúng trọng tâm câu hỏi, thường lảm bảm một mình, gây cản trở quá trình điều tra vụ án, có biểu hiện giả bệnh tâm thần.

Ngày 18/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GB, tỉnh BN ra Quyết định số 818/QĐ-ĐCSHS trưng cầu giám định Viện Pháp y tâm thần Trung ương – Bộ Y tế giám định tâm thần đối với Trần Văn T1. Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 47/KL-GĐ ngày 11/03/2025 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương – Bộ Y tế kết luận:

- Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị can Trần Văn T1 không có bệnh tâm thần.

- Tại thời điểm giám định bị can Trần Văn T1 có biểu hiện giả bệnh có ý thức. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số Z76.5.

- Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện GB tiến hành cho vợ chồng chị Nguyễn Thị B (chủ quán nước), chị Đặng Thị T3 (bị hại) tiến hành nhận dạng đối với Trần Văn T1. Chị B xác định chiều ngày 25/8/2024 người đàn ông mặc áo khoác đỏ đến uống 04 lon bia Sài Gòn tại quán nước nhà chị là Trần Văn T1 có lý lịch như trên. Chị Đặng Thị T3 cũng xác nhận chiều ngày 25/8/2024 người đàn ông mặc áo khoác đỏ giả làm nhân viên giao hàng vào nhà ông Trịnh Bá L rồi không chế, còng tay, nhét quả chanh vào miệng chị là Trần Văn T1.

Căn cứ vào tài liệu điều tra xác định, sau khi T1 và đối tượng đi cùng thực hiện hành vi cướp tài sản tại nhà ông L, khi đi ra đến cổng thì gặp vợ chồng anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1982, chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985 cùng trú tại thôn NP, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN (người đi bộ thể dục qua trước cổng nhà ông L). Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã cho anh C, chị Y tiến hành nhận dạng: anh C, chị Y xác nhận khoảng 19 giờ ngày 25/8/2024 khi vợ chồng anh chị trên đường đi bộ thể dục về nhà thì gặp hai người đàn ông mặc quần áo shipper 1 áo xanh, 1 áo đỏ đi từ nhà ông L ra, trùng khớp với đặc điểm nhận dạng về quần áo, dáng người mà bị hại đã nhận dạng, đó chính là T1 và đối tượng nam giới đi cùng thực hiện hành vi cướp tài sản tại nhà ông L.

Thu giữ vật chứng:

01 (một) túi nilon màu xanh, bên trong có 1 hộp cát ton mở ra bên trong hộp có 04 (bốn) gói mì tôm Kokomi Đại; 01 (một) cồng số 8, tại phần ổ khóa có in chữ “MADE IN USA”; Đoạn băng dính màu xanh, một số chỗ bị dính vào nhau, mặt dính có bám dính các sợi dạng tóc màu đen. 04 vỏ lon bia Sài Gòn.

Tại phiên tòa Trần Văn T1 khai ngày 25/8/2024 T1 đang làm thuê cho anh Nguyễn Ngọc L1 tại địa chỉ 288, đường BT, quận HBT, TP HN, công việc là thợ phụ hàn sắt, T1 làm thuê cho anh L1 từ khoảng tháng 5/2024 đến cuối tháng 8/2024 thì nghỉ việc, T1 làm việc cùng anh H3 và anh T3, bắt đầu làm từ khoảng 7 giờ đến tầm 11 giờ 30 thì nghỉ để ăn cơm. Khoảng 13 giờ 30 thì tiếp tục công việc đến tầm 17 giờ 30 thì nghỉ, T1 nhớ chính xác ngày hôm đó vì sau khi nghỉ T1 chốt công thợ với anh Lợi là đến ngày 26/8/2024. Từ trước đến nay T1 không biết tỉnh BN ở đâu và chưa bao giờ tới thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN. Do vậy, T1 không thực hiện hành vi cướp tài sản ở thị trấn GB, tỉnh BN.

Người bị hại chị Đặng Thị T3 trình bày: Chị là người là người giúp việc, trông nom và quản lý nhà cho ông Trịnh Bá L, sinh năm 1955 ở thôn PN, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN. Chị thừa nhận nội dung bản cáo trạng đã nêu đúng với diễn biến sự việc diễn ra vào khoảng 18 giờ 40 ngày 25/8/2024 tại nhà ông L. Quá trình điều tra cơ quan Công an đã cho chị nhận dạng đối tượng đã thực hiện hành vi cướp tài sản tại nhà ông L và tại phiên tòa hôm nay chị khẳng định đối tượng mặc bộ đồ áo màu đỏ và bị cáo Trần Văn T1 là một người, chị nhận ra bị cáo là do trong quá trình lục tìm tài sản ở nhà ông L thì bị cáo bị tuột khẩu trang nên chị nhìn thấy mặt bị cáo. Chị khẳng định trước đó chị chưa bao giờ gặp, không quen biết hay thù oán gì với bị cáo. Chị đề nghị xử lý nghiêm đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự: Quá trình thực hiện hành vi cướp tài sản bị cáo có đe dọa, khống chế, bắt trói, nhét quả tranh vào miệng chị rồi quần băng dính xung quanh, nhưng chưa gây thương tích mà chỉ gây tổn thất về mặt tinh thần nhưng chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị.

Ông Trịnh Bá L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các lời khai của ông thể hiện gia đình ông không bị mất tài sản gì lớn, quá trình xảy ra sự việc các đối tượng có lấy đi 01 chiếc chìa khóa từ cửa cổng nhà ông, chiếc chìa khóa đã cũ, không còn giá trị, sau đó gia đình cũng tìm thấy ở gốc cây gần nhà nên ông không có đề nghị gì về trách nhiệm dân sự mà chỉ đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị B trình bày tại các lời khai của chị tại Cơ quan Điều tra: Chị khẳng định chiều tối ngày 25/8/2024 có 02 người đàn ông đi xe mô tô kiểu dáng xe Wave cũ màu xanh đến quán nước của chị tại vỉa hè khu đài tưởng niệm thị trấn GB để uống nước, trong đó người lái xe mặc áo dài tay

màu xanh kiểu áo Shipper, đội mũ bảo hiểm lưỡi trai màu xanh. Người ngồi sau mặc áo màu đỏ trên, xám dưới, đội mũ bảo hiểm màu đen. Khi vào quán thì người mặc áo màu đỏ uống 04 lon bia còn người mặc áo xanh uống nước. Khi nhận dạng chị khẳng định người mặc áo đỏ chính là bị cáo Trần Văn T1 và cũng đúng là người ngồi sau trong các bản ảnh trích từ camera mà Cơ quan Điều tra đã cho chị nhận dạng vì khi ở quán nước T1 ngồi đối diện với chị với khoảng thời gian tầm 01 tiếng đồng hồ. Trước đó chị chưa bao giờ gặp T1, không quen biết hay thù oán gì với bị cáo T1.

Anh Hoàng Đình H2 là chồng của chị Nguyễn Thị B trong các lời khai của mình tại cơ quan Điều tra đều khẳng định chiều tối ngày 25/8/2024 có 02 người đàn ông đi xe mô tô kiểu dáng xe Wave cũ màu xanh đến quán nước của vợ chồng anh tại vỉa hè khu đài tưởng niệm ở thị trấn GB để uống nước, trong đó người lái xe mặc áo dài tay màu xanh kiểu áo Shipper, đội mũ bảo hiểm lưỡi trai màu xanh. Người ngồi sau mặc áo màu đỏ trên, xám dưới, đội mũ bảo hiểm màu đen. Khi vào quán thì người mặc áo màu đỏ uống bia còn người mặc áo xanh uống nước chè. Khi nhận dạng anh khẳng định người mặc áo đỏ chính là bị cáo Trần Văn T1 và cũng đúng là người ngồi sau trong các bản ảnh trích từ camera mà Cơ quan Điều tra đã cho anh nhận dạng. Tại quán nước nhà anh, T1 đã uống 04 lon bia Sài Gòn, những lon bia này anh đã giao nộp cho cơ quan Điều tra để phục vụ việc điều tra vụ án.

Vợ chồng chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Xuân C trình bày tại cơ quan Điều tra: Khoảng 19 giờ ngày 25/8/2024 vợ chồng anh, chị đi bộ thể dục về nhà, khi đến gần cổng nhà ông Trịnh Bá L ở cùng xóm thì chị thấy 02 người đàn ông đi bộ từ trong nhà ông L đi ra ngoài cổng rồi lên xe mô tô chở nhau đi về hướng trung tâm huyện GB. Một người đàn ông mặc áo dài tay, màu xanh, đội mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu xanh, đeo khẩu trang. Còn một người mặc áo dài tay trên màu đỏ dưới màu xám ghi, đội mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu đen, đeo khẩu trang, xách theo chiếc túi kiểu ba lô trên vai đi bộ từ trong sân nhà ông L ra cổng. Sau đó người mặc áo màu xanh điều khiển xe mô tô màu đen kiểu SYM Angel cũ chở người mặc áo đỏ. Chị không quen biết gì họ và cũng không nhìn thấy mặt họ. Chị khẳng định hai người đàn ông trong bản ảnh mà cơ quan Điều tra đưa ra chính là hai người đàn ông đi từ nhà ông L ra.

Anh Nguyễn Ngọc L1 trình bày: Trần Văn T1 là thợ sắt có làm việc cho anh trong khoảng thời gian từ tháng 4/2024 đến ngày 24/8/2024, anh nhớ cụ thể ngày trên là do buổi sáng hôm 25/8/2024 vào lúc 7 giờ 17 phút T1 có nhắn tin zalo cho anh với nội dung “Có công việc đột xuất, anh xin em nghỉ, đêm anh về, mai đi làm được không em”, buổi chiều cùng ngày vào hồi 17 giờ 21 phút anh Lợi gọi điện zalo cho T1 để hỏi T1 có về ăn cơm không để anh còn đi chợ nấu cơm

thì T1 trả lời là “Không”, sau đó anh không còn gặp T1 nữa mà chỉ còn trao đổi qua zalo về việc anh thanh toán nốt công nợ cho T1.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 30/CT-VKSGB ngày 08/5/2025 của VKSND huyện GB tỉnh BN đã truy tố Trần Văn T1 về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GB thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội đã giữ nguyên nội dung của quyết định truy tố; Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Văn T1 từ 08 năm đến 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2024.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ tang vật của vụ án gồm: 01 (một) túi nilon màu xanh, bên trong có 1 hộp cát ton mở ra bên trong hộp có 04 (bốn) gói mì tôm Kokomi Đại; 01 (một) công số 8, tại phần ổ khóa có in chữ “MADE IN USA”; Đoạn băng dính màu xanh, một số chỗ bị dính vào nhau, mặt dính có bám dính các sợi dạng tóc màu đen. 04 vỏ lon bia Sài Gòn.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo nghiêm theo quy định.

Lời sau cùng Trần Văn T1 thừa nhận việc xét xử bị cáo là đúng và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và của cơ quan tiến hành tố tụng đều được thực hiện, ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nội dung các quyết định ban hành đều đảm bảo tính hợp pháp và đúng căn cứ pháp luật. Người bị hại là ông Trịnh Bá L và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng họ đã có lời khai rõ ràng tại cơ quan

Điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 292; Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng, tang vật thu giữ được và các tài liệu có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trần Văn T1 bị Cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện GB truy tố về tội “Cướp tài sản” diễn ra tại nhà ông Trịnh Bá L, sinh năm 1955 ở thôn PN, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN. Trong quá trình điều tra, Trần Văn T1 không hợp tác, không khai báo và giả bệnh tâm thần với biểu hiện động kinh gây cản trở, khó khăn cho việc điều tra. Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với T1. Tại Kết luận Giám định số 47/KLGĐ ngày 11/3/2025 của Viện pháp y Tâm thần Trung ương- Bộ Y tế kết luận: *“Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị can Trần Văn T1 không có bệnh tâm thần. Tại thời điểm giám định bị can Trần Văn T1 có biểu hiện giả bệnh có ý thức. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số Z76.5. Tại các thời điểm trên bị can đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”*. Như vậy bị cáo T1 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Tại các lời khai ngày 22/4, 23/4 và 25/4/2025 (và tại phiên tòa) thì Trần Văn T1 không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cho rằng ngày 25/8/2024 bị cáo vẫn đi làm sắt cho anh Nguyễn Ngọc L1 tại địa chỉ số 288 phố Bà Triệu, Hai Bà Trưng, HN. Do vậy, ngày 25/8/2024 bị cáo không có mặt tại huyện GB, tỉnh BN và nếu bị cáo đi trộm, cướp thì khi vào nhà bị hại bị cáo sẽ không bỏ khẩu trang ra. Số điện thoại bị cáo vẫn dùng là số 0989182170, Zalo của bị cáo có tên là “Tuantuan” và tài khoản ngân hàng của bị cáo tại Ngân hàng Viettinbank số tài khoản 108875863703, khi đăng nhập sẽ hiện tên người sử dụng “Tran Van T1”. Đây cũng là số điện thoại, zalo, tài khoản ngân hàng mà bị cáo dùng để liên lạc và thanh toán tiền công với anh Lợi. Số điện thoại trên bị cáo vẫn sử dụng và không cho ai mượn cho đến khi bị bắt.

Theo nội dung thu giữ điện tín, Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông quân đội Viettel cung cấp thì trong ngày 25/8/2024 từ 6 giờ 01 phút 58 giây số điện thoại trên hiện thị tại số 117 phố H, phường PH, HBT, HN; hồi 6 giờ 41 phút 05 giây số điện thoại trên hiển thị tại Số 91 NCT, phố H, HBT, HN; Hồi 10 giờ 21 phút 22 giây số điện thoại trên hiển thị tại cột ĐM, HT, TT, BN; hồi 14 giờ 40 phút 37 giây đến 14 giờ 53 phút 52 giây số điện thoại trên hiển thị tại thôn ĐB, thị trấn GB, tỉnh BN.

Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định vào chiều ngày 25/8/2024 Trần Văn T1 có mặt tại thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN.

Mặt khác, theo lời khai, nhận dạng của vợ chồng chị Nguyễn Thị B, anh Hoàng Đình H2; chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Xuân C và dấu vết đường vân tay tại lon bia Sài Gòn và dấu vết đường vân tay thu tại mặt ngoài vỏ túi linon bọc hộp bìa cát tông

(hộp quà mà các đối tượng thực hiện hành vi cướp tài sản bỏ lại hiện trường) và dấu vân tay ngón cái trái của Trần Văn T1 là của cùng một người. Cùng với lời khai, nhận dạng của người bị hại là chị Đặng Thị T3 và camera giám sát an ninh cũng như camera của các nhà dân mà cơ quan Điều tra thu thập được đều xác định Trần Văn T1 là người đàn ông mặc áo dài tay bên trên màu đỏ, bên dưới màu xám, đội mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu đen ngồi ở phía sau xe mô tô màu đen kiểu SYM Angel cũ, do một người đàn ông mặc áo dài tay màu xanh kiểu áo Shipper, đội mũ bảo hiểm lưỡi trai màu xanh điều khiển chính là bị cáo Trần Văn T1.

Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận việc Hội đồng xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” là đúng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy đã có đủ cơ sở để khẳng định: Vào hồi 18 giờ 43 phút ngày 25/8/2024 Trần Văn T1 cùng một đối tượng nam giới (chưa rõ lai lịch) giả làm nhân viên giao hàng tới nhà ông Trịnh Bá L ở thôn PN, thị trấn GB, huyện GB, tỉnh BN nhằm mục đích cướp tài sản. Thời điểm này chỉ có chị Đặng Thị T3 (người giúp việc) ở nhà. Do tin tưởng T1 và đối tượng đi cùng là nhân viên giao hàng cho ông L nên chị T3 đã mở cổng cho cả hai vào nhà. Sau khi vào trong, T1 và đối tượng đi cùng đẩy chị T3 ngã xuống nền sân, đối tượng đi cùng T1 cầm một con dao kê cổ chị T3 nói “Im mồm không tao đâm chết” đồng thời giật lấy chiếc chìa khoá cổng từ, bấm đóng cổng lại. Sau đó, T1 và đối tượng đi cùng không chừa chị T3, đưa vào phòng ăn tầng một, để chị T3 ngồi trên chiếc ghế gỗ tại khu vực bàn ăn. T1 dùng 01 quả chanh nhét vào miệng, lấy băng dính quấn quanh miệng và chân, còng hai tay chị T3 ra sau ghế. Tiếp đó, T1 và đối tượng đi cùng ra gian ngoài lục lọi, tìm kiếm tài sản nhưng không tìm thấy tài sản gì giá trị nên cả hai nhanh chóng tẩu thoát khỏi hiện trường.

Hành vi sử dụng dao đe dọa, trói, khóa tay, nhét quả chanh vào miệng chị Đặng Thị T3 làm cho chị T3 lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản đã phạm vào tội “Cướp tài sản”. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của người khác; quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo đã dùng hung khí và thủ đoạn nguy hiểm để phạm tội; Phạm tội khi chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, Cáo trạng số 30/CT- VKSGB ngày 08/5/2025, của Viện kiểm sát nhân dân huyện GB, tỉnh BN truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, điểm h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và đã xác định là tình tiết định khung hình phạt nên không xác định đây là tình tiết tăng nặng, do vậy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân:

+ Bản án số 166/HSST ngày 10/11/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Hà (nay là tỉnh ND) xử phạt Trần Văn T1 12 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 1985. Ngày 30/6/1994 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Ngày 15/6/2006 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Đã được xóa án tích.

+ Bản án số 24/HSST ngày 20/02/1995 của Tòa án nhân dân thành phố ND xử phạt Trần Văn T1 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 29/7/1995. Ngày 14/3/2000 chấp hành xong toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bản án trên. Đã được xóa án tích.

+ Bản án số 31/HSPT ngày 08/02/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Hà (nay là tỉnh ND) xử phạt Trần Văn T1 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985. Chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương ngày 11/9/1999. Ngày 14/3/2000 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 26/5/2006 chấp hành xong án phí hình sự phúc thẩm. Đã được xóa án tích . Đã được xóa án tích.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên toà hôm nay bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ nào.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi đó gây nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tiềm ẩn nguy cơ gây tổn hại tính mạng, sức khỏe của người khác gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, gây bất ổn về an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu đã nhiều lần bị Tòa án xét xử nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà vẫn lao vào con đường phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người khó giáo dục, cải tạo. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc điều khiển công từ mà các đối tượng lấy trong lúc đe dọa và khống chế chị T3, ông Trịnh Bá L cho biết chiếc điều khiển đã được mua và sử dụng từ lâu, không nhớ rõ thời gian và giá trị khi mua, đến thời điểm bị chiếm đoạt chiếc điều khiển đã cũ, không còn giá trị. Vài ngày sau khi vụ cướp xảy ra gia đình ông L tìm lại được chiếc điều khiển tại một gốc cây gần nhà. Đối với chị T3, bị các đối tượng đe dọa, khống chế tuy nhiên chị T3 không có thương tích gì. Chị T3 cũng không đề nghị, yêu cầu các đối tượng phải bồi thường tổn thất tinh thần cho chị. Do vậy, vấn đề bồi thường dân sự không đặt ra xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công ăn việc làm ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án và các vấn đề khác:

Vật chứng gồm: 01 (một) túi nilon màu xanh, bên trong có 1 hộp cát ton mở ra bên trong hộp có 04 (bốn) gói mì tôm Kokomi Đại; 01 (một) còng số 8, tại phần ổ khóa có in chữ “MADE IN USA”; Đoạn băng dính màu xanh, một số chỗ bị dính vào nhau, mặt dính có bám dính các sợi dạng tóc màu đen. 04 vỏ lon bia Sài Gòn là những vật không còn giá trị cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với đối tượng nam giới thực hiện hành vi cướp tài sản cùng Trần Văn T1 ngày 25/8/2024 và chiếc xe mô tô, con dao là công cụ mà các đối tượng sử dụng để thực hiện hành vi cướp tài sản, đến nay cơ quan Điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng cướp tài sản đi cùng T1 và chưa thu giữ được các công cụ, phương tiện trên. Do vậy, khi nào xác định, làm rõ được đối tượng cùng T1 thực hiện hành vi cướp tài sản, thu giữ được công cụ, phương tiện sẽ xem xét xử lý sau theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Thấy rằng đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d, h khoản 2 Điều 168; Điều 38 Bộ luật hình sự. Căn cứ các điều 106, 135, 136, 331, 333; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Trần Văn T1 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2024. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án 26/6/2025 để đảm bảo việc thi hành án.

Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) hộp cacton có dấu đỏ của Cơ quan Điều tra công an huyện GB và chữ ký của những người tham gia được niêm phong theo quy định (bên trong có 01 chiếc túi nilon màu xanh và 04 vỏ lon bia Sài Gòn); 01 (một) chiếc hộp cacton có dấu đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và chữ ký của những người tham gia niêm phong theo quy định (bên trong có 01 chiếc còng số 8 phần ổ khóa có in chữ “MADE IN USA” và 01 đoạn băng dính màu xanh, một số chỗ dính vào nhau, mặt dính có bám các sợi tóc màu đen); 01 (một) chiếc hộp cacton và 04 (bốn) gói mì tôm KOKOMI ĐẠI (trong đó có 03 gói mì tôm lạnh nguyên và 01 gói mì tôm đã bị bóc vỏ).

Vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra (PC02) Công an tỉnh BN và Chi cục thi hành án dân sự huyện GB.

Buộc bị cáo Trần Văn T1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND tỉnh BN;
- VKSND huyện GB;
- THA dân sự (án có hiệu lực pháp luật);
- Những người TGTT;
- Lưu HSAV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà

Trần Xuân S